

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HS-ST

Ngày 12/07/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Hoàng Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng G, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 06 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 07 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Thành L**, (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1989, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: Số 38, đường D, phố 13, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Văn Á và bà Lương Thị H Vân; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Trần Thị Thu H; Con: Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Quyết định số 128 ngày 25/8/2021 của Công an thành phố N xử phạt 3.500.000 đồng về hành vi “*Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác*”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/01/2024 cho đến nay, (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thị Hương G sinh năm 1983, trú tại: số nhà 34, ngõ 62, đường 30/6, phố V, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

2. Chị Đàm Thị Thu T, sinh năm 1988, trú tại: số 1, ngõ 128, đường T, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thành L là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng L đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 trong Bộ luật dân sự năm 2015 để thu lợi bất chính, cụ thể:

- Đối với chị Phạm Thị Hương G: Do cần tiền để giải quyết công việc cá nhân nên chị G đã vay tiền với lãi suất cao của L. Cả hai thống nhất là 01 tháng tương đương 30 ngày trả lãi một lần. Hình thức trả lãi bằng tiền mặt hoặc chị G sẽ chuyển tiền từ số tài khoản 19037969608016 ngân hàng Techcombank của chị G đến số tài khoản 2220172589999 ngân hàng MB Bank của L.

+ Ngày 15/01/2023, chị G vay của L số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/ 01 triệu đồng/ 01 ngày (tương đương lãi suất 183%/năm). Sau đó, L chuyển số tiền 15.000.000 đồng từ số tài khoản 2220172589999 ngân hàng MB Bank của L đến số tài khoản 19037969608016 ngân hàng Techcombank của chị G. Mỗi tháng chị G phải thanh toán cho L 2.250.000 đồng tiền lãi. Tính từ ngày 15/01/2023 đến tháng ngày 15/5/2023, chị G phải trả lãi cho L trong 04 tháng là 9.000.000 đồng tiền lãi. Thực tế đối với tiền lãi tháng 5/2023, L cho chị G 240.000 đồng, như vậy số tiền lãi 04 tháng chị G đã thanh toán cho L là 8.760.000 đồng, trong đó số tiền lãi L được hưởng 20% theo quy định là 986.301 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 7.773.699 đồng.

+ Ngày 01/5/2023, chị G tiếp tục vay của L số tiền 5.000.000 đồng nhưng L không tính tiền lãi.

+ Ngày 15/5/2023, chị G và L thống nhất gộp 02 khoản vay thành một khoản vay là 20.000.000 đồng và giảm lãi suất vay, mỗi tháng chị G phải trả L 2.000.000 đồng tiền lãi (tương đương lãi suất 122%/năm). Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/9/2023, chị G phải trả cho L 04 tháng tiền lãi là 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, tiền lãi tháng 8/2023 (Từ ngày 15/7/2023 đến ngày 15/8/2023) của khoản vay này, L cho chị G 560.000 đồng nên tiền lãi tháng 8/2023 mà chị G phải trả cho L là 1.440.000 đồng (tương đương lãi suất 83%/năm), tức là lãi suất tháng 8/2023 chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, trong thời gian này chị G đã trả cho L trong 03 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi L được hưởng 20% theo quy định là 986.301 đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 5.013.699 đồng.

+ Từ ngày 15/9/2023, L tiếp tục giảm lãi suất đối với khoản vay này xuống còn 3.000 đồng/ 01 triệu đồng/ 01 ngày (tương đương lãi suất 110%/năm). Tính đến ngày 12/12/2023, chị G đã vay của L trong 02 tháng và 27 ngày, chị G phải trả cho L

5.220.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi L được hưởng 20% theo quy định là 953.425 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.266.575 đồng.

Như vậy, từ ngày 15/01/2023 đến ngày 12/12/2023, theo thỏa thuận, chị G phải trả cho L **21.420.000 đồng** tiền lãi, trong đó tổng số tiền L được hưởng 20% theo quy định là **2.926.027 đồng**, tổng số tiền L thu lợi bất chính là **17.053.973 đồng**. Cho đến nay, chị G đã trả cho L 20.820.000 đồng tiền lãi còn nợ 600.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Đối với chị Đàm Thị Thu T: Do cần tiền để giải quyết công việc cá nhân nên chị T đã vay tiền của L với lãi suất cao. Cả hai thống nhất là 01 tháng tương đương 30 ngày thì chị T trả lãi 01 lần. Hình thức trả lãi bằng tiền mặt hoặc chị T sẽ chuyển tiền từ số tài khoản 0912993936 ngân hàng MB Bank của chị T đến số tài khoản 2220172589999 ngân hàng MB Bank của L.

+ Ngày 04/01/2023, chị T vay của L số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/ 01 triệu đồng/ 01 ngày (tương đương lãi suất 183%/năm). Sau đó, L chuyển từ số tài khoản 2220172589999 ngân hàng MB Bank của L đến số tài khoản 0912993936 ngân hàng MB Bank của chị T số tiền 2.000.000 đồng và đưa 18.000.000 đồng tiền mặt cho chị T. Theo thỏa thuận, mỗi tháng chị T phải trả cho L 3.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 04/01/2023 đến 04/4/2023, chị T đã trả 03 tháng tiền lãi là 9.000.000 đồng cho L, trong đó số tiền lãi L được hưởng 20% theo quy định là 986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng.

+ Từ ngày 04/4/2023, L có giảm lãi suất cho chị T xuống còn 4.000 đồng/ 01 triệu đồng/ 01 ngày (tương đương lãi suất 146%/năm). Mỗi tháng chị T phải trả cho L 2.400.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 04/6/2023, chị T đã trả cho L 02 tháng tiền lãi là 4.800.000 đồng trong đó số tiền lãi L được hưởng 20% theo quy định là 657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.142.466 đồng.

+ Từ ngày 04/6/2023 đến ngày 04/9/2023 do chị T gặp khó khăn về kinh tế nên xin L không phải trả lãi trong thời gian này, L đồng ý.

+ Từ ngày 04/9/2023 đến ngày 12/12/2023, L giảm lãi suất cho chị T xuống còn 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương đương 73%/năm). Với mức lãi suất này chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay trong thời gian này.

Như vậy, từ ngày 04/01/2023 đến ngày 04/6/2023, chị T phải trả cho L **16.560.000 đồng** tiền lãi, trong đó tổng số tiền lãi L được hưởng 20% theo quy định là **1.643.835 đồng**, tổng số tiền L thu lợi bất chính là **12.156.165 đồng**. Cho đến nay chị T đã trả cho L 13.290.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 3.270.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Đối với anh Nguyễn Văn Đ: Do cần tiền để giải quyết công việc cá nhân nên ngày 14/3/2023, anh Đ đã vay của L số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 4000 đồng/01

triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 146%/năm). Cả hai thống nhất là 01 tháng tương đương 30 ngày thì anh Đ trả lãi 01 lần. Mỗi tháng anh Đ phải trả cho L 2.400.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 14/3/2023 đến ngày 12/12/2023, anh Đ phải trả cho L 08 tháng 28 ngày lãi tương đương **21.440.000 đồng**, trong đó tổng số tiền lãi L được hưởng 20% theo quy định là **2.936.986 đồng**, tổng số tiền L thu lợi bất chính là **18.503.014 đồng**. Cho đến nay, Đ đã trả cho L 19.200.000 đồng tiền lãi, còn nợ 2.240.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 93/CT-VKSNDTPNB ngày 16/06/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Đỗ Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Thành L phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Xử phạt tiền: Đỗ Thành L từ 55.000.000đ đến 60.000.000đ để xung ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

+ Trả lại cho bị cáo Đỗ Thành L số tiền 1.300.000 đồng.

+ Tịch thu xung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh lấp sim 0844.488.068.

+ Buộc Đỗ Thành L nộp số tiền 7.506.848đ để xung ngân sách nhà nước.

+ Buộc Đỗ Thành L trả cho anh Nguyễn Văn Đ là 18.503.014 đồng.

+ Buộc chị Phạm Hương G nộp số tiền 20.000.000 đồng để xung ngân sách nhà nước;

+ Buộc chị Đàm Thị Thu T nộp số tiền 20.000.000 đồng để xung ngân sách nhà nước;

+ Buộc anh Nguyễn Văn Đ nộp số tiền 20.000.000 đồng để xung ngân sách nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Xét lời khai của các bị cáo, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ ngày tháng 01/2023 đến tháng 12/2023, trên địa bàn thành phố N, Đỗ Thành L đã cho chị Phạm Thị Hương G, chị Đàm Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Đ vay tiền với lãi suất cao gấp hơn 05 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để thu lợi bất chính số tiền 47.713.151 đồng, trong đó: Thu lợi bất chính của chị Phạm Hương G số tiền 17.053.973 đồng; của chị Đàm Thị Thu T là 12.156.165 đồng và của anh Nguyễn Văn Đ là 18.503.014 đồng.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng; quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại phần lớn số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Vì vậy, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy: Mục đích phạm tội nhằm thu lời bất chính. Do vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ để, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm.

[3] Về các biện pháp tư pháp khác:

- Đối với 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh lắp sim 0844.488.068 thu giữ của bị cáo là những vật chứng của vụ án, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tịch thu hóa giá để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 1.300.000 đồng thu giữ của bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là số tiền bị cáo thu lãi của chị G. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã trả lại số tiền thu lời bất chính cho chị G. Do đó cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 7.506.848 đồng là tiền thu lãi được tương ứng với 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không xác định trách nhiệm hình sự, nhưng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội mà có, cần buộc bị cáo nộp lại để sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính của anh Nguyễn Văn Đ là 18.503.014 đồng vượt quá 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền trên cho anh Đ

- + Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã trả cho chị Đàm Thị Thu T và chị Phạm Hương G số tiền bị cáo đã thu lời bất chính chị T và chị G không có ý kiến gì về khoản tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với số tiền gốc bị cáo cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định những người này chưa trả cho bị cáo, do đó cần buộc:

- + Chị Phạm Hương G nộp số tiền 20.000.000 đ để xung ngân sách nhà nước;
- + Chị Đàm Thị Thu T nộp số tiền 20.000.000đ để xung ngân sách nhà nước;
- + Anh Nguyễn Văn Đ nộp số tiền 20.000.000đ để xung ngân sách nhà nước.

[4] Các vấn đề khác:

- Quá trình Đỗ Thành L cho chị Phạm Thị Hương G vay tiền: Trong thời gian từ ngày 15/7/2023 đến ngày 15/8/2023, L bớt cho chị G 560.000 đồng tiền lãi tức là chị G phải trả cho L là 1.440.000 đồng (tương đương lãi suất 83%/năm), lãi suất này chưa vượt quá 05 lần so mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ Luật dân sự năm

2015. Ngoài ra, quá trình Đỗ Thành L cho chị Đàm Thị Thu T vay tiền: từ ngày 04/9/2023 đến ngày 12/12/2023, L giảm lãi suất cho T của khoản vay 20.000.000 đồng xuống còn 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương đương lãi suất 73%/năm), lãi suất này chưa vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ Luật dân sự năm 2015. Do vậy, chưa đủ yếu tố để xử lý về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” của Đỗ Thành L đối với các lần trả lãi này.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.
- Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

1. Tuyên bố: bị cáo Đỗ Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Thành L 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh lắp sim 0844.488.068 (theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/06/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình và Chi cục THADS thành phố N, tỉnh Ninh Bình).

2.2. Trả lại cho Đỗ Thành L số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng), nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền 1.300.000 đồng hiện đang ở tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo ủy nhiệm chi lập ngày 19/06/2024).

2.3. Buộc Đỗ Thành L nộp lại số tiền 7.506.848 đồng (Bảy triệu, năm trăm linh sáu nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

2.4. Buộc chị Phạm Thị Hương G nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước;

2.5. Buộc chị Đàm Thị Thu T nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước;

2.6. Buộc anh Nguyễn Văn Đ nộp số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

2.7. Buộc Đỗ Thành L phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ là 18.503.014 đồng (Mười tám triệu, năm trăm linh ba nghìn, không trăm mười bốn đồng). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Đỗ Thành L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA.DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

